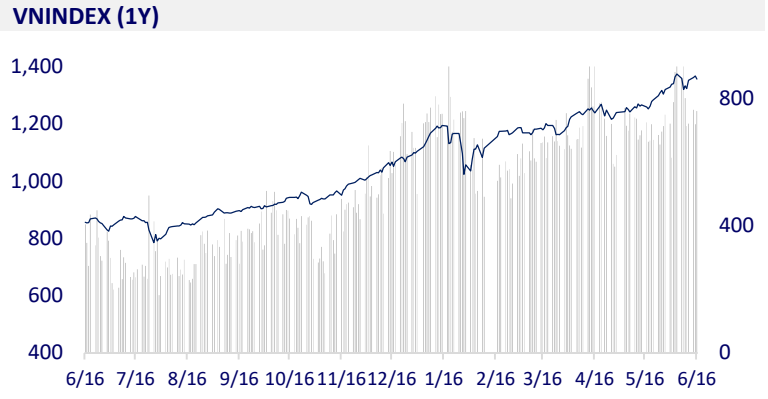
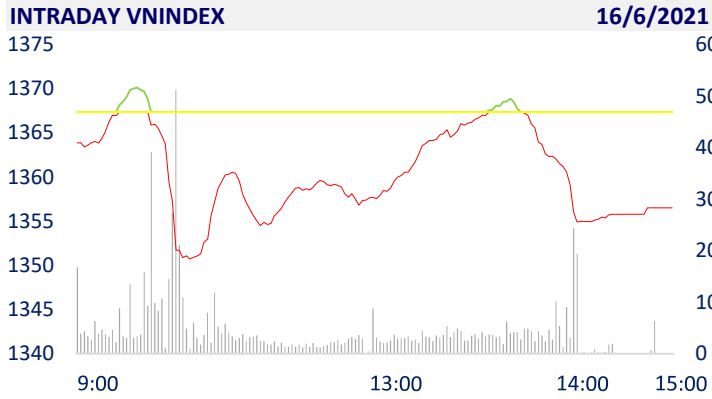
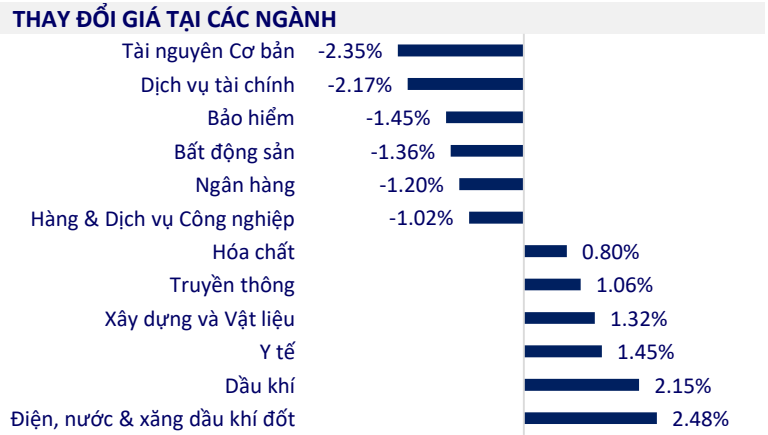


TTCK VIỆT NAM		1D	YTD
VN-INDEX	1,356.52	-0.79%	23.38%
VN30	1,465.58	-1.44%	38.47%
HNX	313.65	-1.46%	59.13%
UPCOM	88.82	-0.06%	20.30%
GT mua ròng NĐTNN (tỷ)	-94.06		
Tổng GTGD (tỷ)	29,991.54	-7.12%	74.85%

- Khối ngoại trở lại bán ròng hơn 94 tỷ đồng, 3 sàn giảm điểm trong phiên giao dịch 16/6. Lực bán của khối ngoại tập trung vào MBB (-172,4 tỷ đồng), KDC (-150 tỷ đồng), SSI (-115 tỷ đồng)...



ETF & PHÁI SINH		1D	YTD
E1VFN30	24,780	-1.08%	31.81%
FUEMAV30	17,300	-0.57%	38.07%
FUESSV50	21,300	-1.16%	34.81%
FUESSVFL	22,380	-0.18%	63.96%
FUEVFN30	24,670	-2.10%	43.43%
FUEVN100	18,570	-1.17%	33.12%
VN30F2112	1,463.20	-0.87%	
VN30F2109	1,483.90	0.54%	
VN30F2107	1,470.00	-0.93%	
VN30F2106	1,468.90	-1.00%	



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI		1D	YTD
Nikkei	29,291.01	-0.21%	6.73%
Shanghai	3,518.33	-1.07%	3.04%
Kospi	3,278.68	0.62%	14.10%
Hang Seng	28,451.87	-0.23%	4.81%
STI (Singapore)	3,153.47	0.00%	9.91%
SET (Thái Lan)	1,624.79	0.15%	12.10%
Dầu thô (\$/thùng)	72.28	-0.48%	49.65%
Vàng (\$/ounce)	1,857.35	0.11%	-2.43%

- Xuất khẩu Nhật Bản không đạt kỳ vọng, chứng khoán châu Á trái chiều. Tại Nhật Bản, Nikkei 225 giảm 0,21%. Thị trường Trung Quốc giảm sâu nhất khu vực với Shanghai Composite giảm 1,07%. Hang Seng của Hong Kong giảm 0,23%. Chỉ số Kospi của Hàn Quốc tăng 0,62%.

KINH TẾ VĨ MÔ		1D (bps)	YTD (bps)
Lãi suất liên NH	0.98%	2	85
Lãi suất tiết kiệm 12T	5.60%	0	-20
TPCP - 5 năm	1.29%	11	7
TPCP - 10 năm	2.06%	-11	3
USD/VND	23,045	-0.02%	-0.57%
EUR/VND	28,622	-0.01%	-1.65%
CNY/VND	3,657	0.11%	2.35%

- Việt Nam xuất 2,5 triệu tấn trái cây tươi sang Trung Quốc. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, đứng đầu trong 9 loại trái cây xuất chính ngạch sang Trung Quốc là thanh long đạt 1,2 triệu tấn, tăng 138% so với cùng kỳ; tiếp đến là xoài và dưa hấu. Theo đó, xoài đạt 468.000 tấn, tăng 156,8%; dưa hấu đạt trên 290.000 tấn, tăng 131,8%.

LỊCH SỰ KIỆN

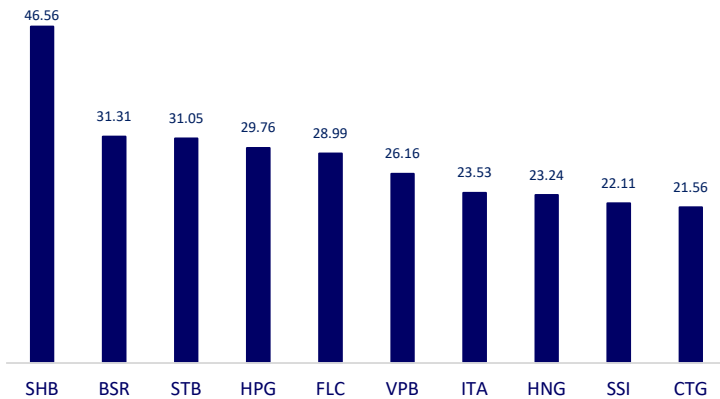
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Loại	Tỉ lệ	Giá trị
LIX	6/16/2021	6/17/2021	6/30/2021	Tiền mặt		1,000
GIL	6/16/2021	6/17/2021	6/30/2021	Tiền mặt		1,000
NCT	6/17/2021	6/18/2021	7/16/2021	Tiền mặt		1,500
SKG	6/17/2021	6/18/2021	6/30/2021	Tiền mặt		800
NDX	6/17/2021	6/18/2021	7/5/2021	Tiền mặt		500
VCI	6/17/2021	6/18/2021		Cổ phiếu	1:01	600
C32	6/18/2021	6/21/2021	7/29/2021	Tiền mặt		1,200
ADS	6/18/2021	6/21/2021	7/9/2021	Tiền mặt		1,000

TIN TỨC CHỌN LỌC

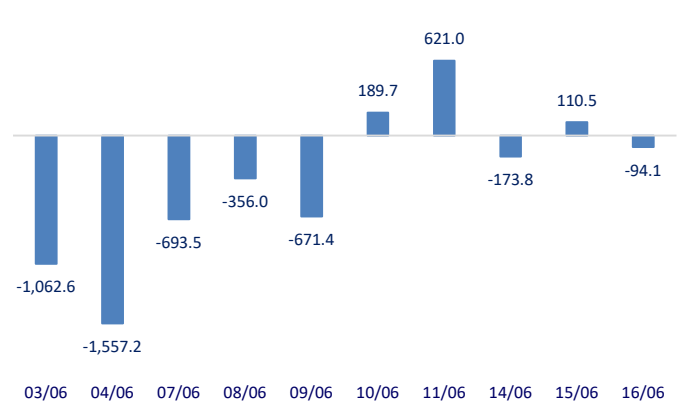
- Việt Nam xuất 2,5 triệu tấn trái cây tươi sang Trung Quốc
- Siêu dự án cao tốc 36 nghìn tỷ nối TP.HCM - Thủ Dầu Một - Chơn Thành
- Giá heo trong nước xuống thấp, người chăn nuôi bắt đầu lỗ
- Giá gỗ tại Mỹ lao dốc hơn 40% từ đỉnh, các công ty từ tích trữ chuyển sang bán mạnh
- Trung Quốc tung thêm biện pháp kiểm soát giá hàng hóa
- USD trên thị trường thế giới cao nhất 1 tháng, tiền Châu Á giảm giá mạnh

	Đóng cửa	1D	5D	KL mua	KL bán	Nội dung
VCB	104,000	1.17%	1.96%	3,976,400	4,742,600	- HDB: triển khai việc nâng cấp áp dụng tiêu chuẩn Basel II lên Basel III. Đến nay, Ngân hàng đã áp dụng 2 chỉ số LCR – Tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản (Liquidity Coverage Ratio) và NSFR – Hệ số quỹ bình ổn ròng (Net Stable Fund Ratio) của Basel III. Hơn thế, chỉ số NSFR đã đạt tới 150%, cao hơn so với mức tối thiểu 100%.
BID	45,300	0.89%	-0.33%	6,761,400	7,818,800	
CTG	50,500	-3.07%	0.00%	29,432,200	30,617,900	
TCB	50,700	-3.06%	-0.20%	28,689,000	32,178,700	
VPB	66,800	0.45%	-6.96%	36,317,500	36,465,200	
MBB	38,700	-1.53%	0.39%	32,250,700	33,574,800	
HDB	33,800	-2.73%	1.20%	5,799,800	7,022,800	
TPB	35,600	-1.11%	-0.84%	8,901,700	9,695,000	
STB	29,200	-2.99%	-1.35%	49,060,700	53,606,900	
NVL	103,500	-0.48%	-2.63%	1,508,900	3,080,500	
TCH	22,500	0.90%	2.27%	12,153,500	15,986,700	- GAS: GAS dự chi 5,700 tỷ đồng trả cổ tức với tỷ lệ 30% và ngày thanh toán là 06/10/2021.
KDH	36,900	0.00%	4.34%	3,624,600	3,313,100	
PDR	92,000	-0.54%	11.92%	6,861,500	6,752,000	
GAS	91,900	3.61%	5.15%	3,120,200	3,257,600	- VIC: VinFast Lux SA2.0 ưu đãi 60-80 triệu đồng nhân kỷ niệm 2 năm khánh thành nhà máy và chính thức bàn giao những chiếc xe đầu tiên đến tay khách hàng. - SBT có thể bị loại khỏi VN30 trong kỳ cơ cấu danh mục Quý 3 do giá trị vốn hóa theo freefloat nhỏ hơn 30 mã đã thêm.
POW	12,050	0.00%	-0.41%	15,091,500	21,357,500	
PLX	56,000	2.19%	4.09%	11,731,100	6,556,400	
VIC	119,100	-2.14%	0.25%	1,811,600	2,397,300	
VHM	110,000	-2.31%	3.68%	5,912,900	7,365,500	
VRE	32,800	-0.15%	3.47%	7,795,400	13,197,800	
VNM	91,800	-1.18%	3.03%	4,376,100	5,877,900	
MSN	104,200	-2.16%	-0.29%	1,547,300	2,052,300	
SBT	21,100	2.93%	0.48%	7,826,400	10,015,200	
BVH	116,500	-0.43%	1.04%	732,800	782,000	
VJC	116,500	-0.43%	1.04%	732,800	782,000	
FPT	83,100	-0.12%	1.71%	3,908,100	4,425,100	
MWG	137,000	-0.65%	0.44%	1,677,100	804,100	
PNJ	95,100	-0.94%	-0.73%	893,900	907,000	
REE	56,900	0.00%	2.52%	1,033,800	1,048,700	
SSI	49,400	-5.00%	7.82%	32,364,300	34,527,200	
HPG	51,800	-2.63%	2.98%	43,809,700	49,267,000	

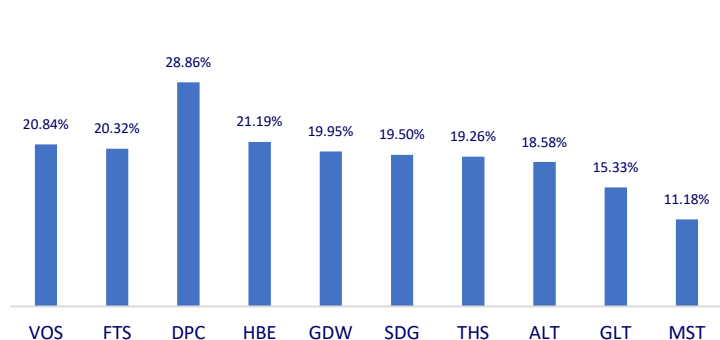
Top CP giao dịch nhiều nhất (khối lượng CP - triệu)



Dòng tiền NĐTNN 10 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top tăng 3 phiên liên tiếp



Top giảm 3 phiên liên tiếp

